

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ 5-6 TUỔI TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG MẦM NON THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lữ Hùng Minh^{1,+},
Trịnh Thị Lan²,
Trịnh Thị Hương¹

Trường Đại học Cần Thơ;
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
+Tác giả liên hệ • Email: hungminh@ctu.edu.vn

Article history

Received: 05/10/2022

Accepted: 10/11/2022

Published: 05/12/2022

Keywords

Current situation, solutions,
Vietnamese language,
teaching Vietnamese
language, pre-school
children, Can Tho

ABSTRACT

5-6 years of age are considered “the golden age” in language development because this is the transition period from playing as the main activity in preschool to learning activities in primary schools. In order to establish a solid knowledge foundation as well as develop necessary language skills for children to enter grade one, it is extremely necessary to promote language development for children of this age in preschools. This is also in line with the current educational transformation toward competency-based approach. On this basis, the study focuses on investigating the actual situation of language development for 5-6 year old children in Can Tho city. Subsequently, the study points out the causes and proposes some solutions to improve educational activities for language development for 5-6 year old children before entering grade one.

1. Mở đầu

Hiện nay, việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi là một trong những vấn đề then chốt được đề cập trong giáo dục ngay từ bậc mầm non. Ở trường mầm non, các kỹ năng ngôn ngữ (KNNN) của trẻ được hình thành thông qua những “cơ hội học tập” như tự học từ môi trường xung quanh, từ những người lớn tuổi và từ những tình huống học tập. Việc hình thành các KNNN này cho trẻ không phải là huấn luyện hay dạy trẻ học đọc, học viết đơn thuần mà phải được xem là một quá trình “nuôi dưỡng ham muốn biết đọc, biết viết” cho trẻ (Mai Thị Nguyệt Nga & Nguyễn Thị Thanh Bình, 2014), giúp trẻ “xây dựng các khái niệm, chức năng của các biểu tượng, kí hiệu thông qua hoạt động thực hành, trải nghiệm và tiếp xúc với môi trường xung quanh” (Nguyễn Thị Hải Thanh, 2017). Vì vậy, để phát triển KNNN cho trẻ, GV mầm non cần nhìn nhận đúng bản chất của từng KNNN trong quá trình giáo dục cho trẻ, không nên dạy riêng lẻ, tách biệt các kỹ năng mà phải kết hợp vì “năng lực nghe không được hướng dẫn một cách riêng lẻ mà phải kết hợp với năng lực nói, đọc, viết” (Trần Nguyễn Nguyên Hân, 2016). GV cần tăng cường sự trải nghiệm của trẻ với chữ viết, phát huy tính tích cực và phát triển kỹ năng đọc, viết cho trẻ như học thông qua chơi, trải nghiệm với sách (Nguyễn Thị Hải Thanh, 2017), qua quan sát, truyện tranh (Nguyễn Cẩm Giang, 2017), thông qua video, đóng vai, hình ảnh trực quan, Bigbook (Wahyuni và cộng sự, 2020) hay sử dụng tài liệu kể chuyện kỹ thuật số (Loniza và cộng sự, 2018) để kích thích suy nghĩ, cải thiện kỹ năng nói, nghe hiểu ngôn ngữ của trẻ; phát triển vốn từ cho trẻ qua hoạt động trải nghiệm (Lã Thị Bắc Lý, 2017). Điều này không chỉ giúp trẻ phát triển được các KNNN mà còn cải thiện quá trình tham gia học tập tích cực, làm tăng hứng thú và động lực học tập cho trẻ (Yaacob & Pinter, 2008). Trên cơ sở quan sát và lược khảo các nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, chúng tôi nhận thấy các việc dạy các KNNN cho trẻ giai đoạn 5-6 tuổi chưa được mô tả một cách tổng quát, cụ thể và tường minh. Vì vậy, bài báo tập trung phản ánh khái quát thực trạng giáo dục phát triển ngôn ngữ (GDPTNN) cho trẻ 5-6 tuổi ở một số trường mầm non trên địa bàn TP. Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp giáo dục ngôn ngữ nhằm hình thành và phát triển KNNN cho trẻ trước khi vào lớp 1.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Thực trạng phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi tại một số trường mầm non thành phố Cần Thơ

2.1.1. Khái quát chung về khảo sát

- Mục tiêu khảo sát: (1) Khái quát thực trạng GDPTNN cho trẻ mầm non tại một số trường mầm non của TP. Cần Thơ; (2) Chỉ ra nguyên nhân và giải pháp để giải quyết thực trạng.

Nghiên cứu trả lời câu hỏi: Thực trạng GDPTNN cho trẻ mầm non tại thành phố Cần Thơ hiện nay như thế nào? Nguyên nhân và giải pháp để giải quyết thực trạng đó?

- Đối tượng, thời gian, phương tiện và khảo sát: + Đối tượng khảo sát: GV dạy lớp Lá; + Mẫu khảo sát: Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí, phân bố trường, nhóm nghiên cứu lựa chọn khảo sát và dự giờ ngẫu nhiên 57 tiết tại 15 trường

mầm non tại TP. Cần Thơ (8 trường trung tâm và 7 trường vùng ven); +Thời gian khảo sát: từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022; Phương tiện khảo sát: Bảng câu hỏi (được thực hiện qua Google Forms); giáo án (GA) và biên bản dự giờ.

- *Nội dung khảo sát*: + Bảng câu hỏi phỏng vấn GV: gồm 8 câu xoay quanh 3 nội dung: (1) *Quan điểm của GV về GDPTNN cho trẻ 5-6 tuổi*; (2) *Các hình thức, phương pháp giáo dục (PPGD) và đánh giá KNNN của trẻ*; (3) *Thuận lợi và khó khăn của GV trong GDPTNN cho trẻ 5-6 tuổi*; + GA và dự giờ: Khảo sát GA và các tiết dự giờ của GV, chúng tôi xem xét và ghi nhận những nội dung sau: (1) *Mục tiêu*; (2) *Tiến trình tổ chức GDPTNN*; (3) *Hệ thống câu hỏi*. Kết quả khảo sát được thống kê và xử lý bằng phương pháp định tính kết hợp với định lượng. Các GA và biên bản dự giờ được kí hiệu và đánh số theo thứ tự tiết dạy của GV, ví dụ: GA (GA-01, GA-02...), dự giờ (Biên bản dự giờ GV-01, Biên bản dự giờ GV-02...).

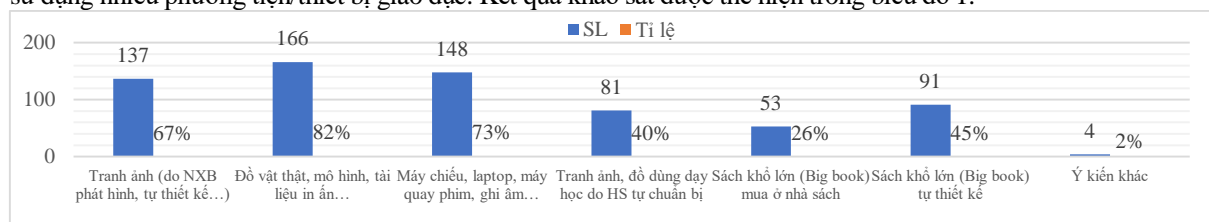
2.1.2. *Kết quả khảo sát thực trạng giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi tại một số trường mầm non thành phố Cần Thơ*

2.1.2.1. *Quan điểm của giáo viên về giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi*

Nội dung khảo sát này được thể hiện ở câu hỏi khảo sát ý kiến của GV về việc có nên dạy các KNNN cho trẻ trước khi vào tiểu học hay không và sự cần thiết của việc dạy các KNNN này đối với trẻ như thế nào. Dựa vào kết quả khảo sát GV ở câu hỏi này, chúng tôi thống kê và phân thành 4 nhóm: *Nên và nêu lí do*, *Nên và không nêu lí do*, *Không nên và có nêu lí do*, *Không nên và không nêu lí do*. Kết quả ghi nhận được có 76% GV tham gia khảo sát trả lời là “nên” nhưng không nêu lí do tại sao, 11% GV khẳng định nên dạy KNNN cho trẻ và có nêu lí do. Số phiếu trả lời không nên dạy các KNNN trước cho trẻ (có nêu lí do và không nêu lí do) chiếm tỉ lệ không đáng kể (13%). Số GV trả lời nên dạy các KNNN (11%) đều cho rằng đây là những kĩ năng rất cần thiết mà trẻ cần được dạy và giải thích rằng các KNNN này nếu được dạy sẽ giúp trẻ có được những khả năng sau: Không bỡ ngỡ, bắt nhịp nhanh các kĩ năng này trẻ sẽ mạnh dạn tự tin hơn khi bước vào lớp 1; Tiếp thu bài tốt hơn, học tốt hơn, hiểu bài nhanh hơn; phát triển lời nói mạch lạc, rõ ràng hơn; Phát triển ngôn ngữ, tự tin bày tỏ thái độ và quan điểm hình thành tư duy, đạo đức; Phát triển vốn từ, hiểu biết nhiều lĩnh vực và có thể theo kịp bạn bè; Nhận biết mặt chữ nhanh hơn và nhanh biết đọc, viết hơn... Hầu hết các GV tham gia khảo sát đều cho rằng việc dạy các KNNN là rất cần thiết đối với trẻ 5-6 tuổi vì sẽ giúp trẻ có thêm vốn từ, cảm thấy tự tin và không bỡ ngỡ khi bước vào trường tiểu học; trẻ có thể theo kịp và hoà nhập nhanh với bạn bè, tự tin bày tỏ thái độ và quan điểm, qua đó hình thành và phát triển tư duy.

2.1.2.2. *Các phương pháp và phương tiện giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ*

Khảo sát về các PPGD mà GV thường sử dụng trong quá trình giáo dục để phát triển các KNNN cho trẻ, hầu hết các GV tham gia trả lời khảo sát đều chọn nhóm các PPGD tích cực như trực quan, giao tiếp, trải nghiệm (chiếm tỉ lệ từ 74-76%), làm mẫu và cho trẻ hoạt động nhóm. Lí giải điều này (ở mục Ý kiến khác), GV cho rằng các PPGD này khuyến khích trẻ quan sát, trò chuyện với bạn và trở nên hoạt bát hơn, tự tin hơn. Trong quá trình giáo dục, GV sử dụng nhiều phương tiện/thiết bị giáo dục. Kết quả khảo sát được thể hiện trong biểu đồ 1:

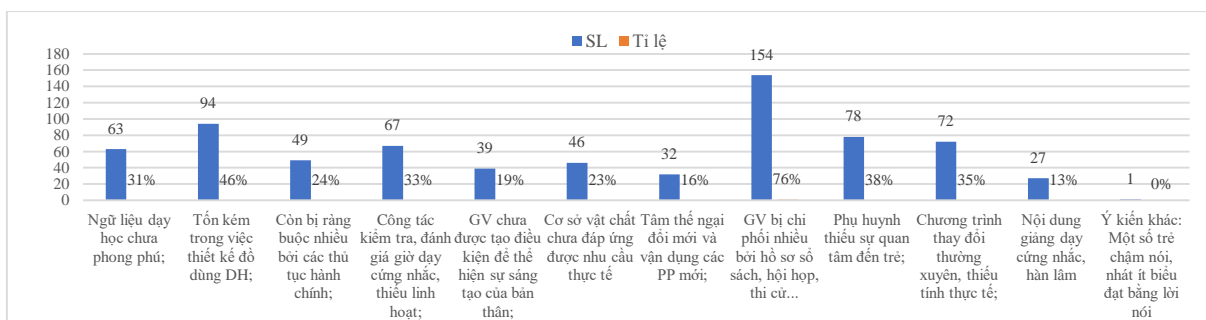


Biểu đồ 1. *Kết quả khảo sát tình hình sử dụng phương tiện giáo dục*

Biểu đồ 1 cho thấy, phần lớn GV thường sử dụng đồ vật thật và mô hình để tổ chức hoạt động giáo dục (chiếm 82%), có 73% GV sử dụng phương tiện như máy chiếu, laptop, máy quay phim và ghi âm, 67% GV thường xuyên sử dụng tranh ảnh trong tổ chức hoạt động giáo dục. Đối với các loại tranh ảnh, sách khổ lớn, 40% GV tham gia khảo sát cho biết có sử dụng tranh ảnh, đồ dùng giáo dục do trẻ tự chuẩn bị (GV dặn trẻ mang vào), 45% GV sử dụng sách khổ lớn (Big book) tự thiết kế và chỉ có 26% GV sử dụng sách khổ lớn mua ở nhà sách.

2.1.2.3. *Thuận lợi và khó khăn*

Chia sẻ về những thuận lợi trong GDPTNN cho trẻ, hầu hết GV tham gia khảo sát cho biết nội dung chương trình dạy được biên soạn và thiết kế bám sát tình hình thực tế của địa phương (81%), môi trường học tập, giáo dục, cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ, GV được tham gia các đợt tập huấn thường xuyên (77%). Ngoài ra, GV cũng cho biết một số thuận lợi khác như chính quyền địa phương và phụ huynh có quan tâm sâu sát đến chất lượng bậc mầm non, các chỉ đạo từ lãnh đạo cấp trên được hướng dẫn khá cụ thể. Bên cạnh những thuận lợi này, GV cũng chia sẻ những khó khăn mà bản thân đang gặp trong quá trình giáo dục nói chung qua biểu đồ 2:



Biểu đồ 2. Kết quả khảo sát những khó khăn của GV mầm non

Theo biểu đồ 2, có đến 76% GV bị chi phối bởi các loại hồ sơ sổ sách và các cuộc hội họp, thi cử; GV phải tự chi tiền để mua vật liệu làm đồ dùng giáo dục; ngữ liệu giáo dục chưa phong phú, chương trình thay đổi nên GV mất nhiều thời gian điều chỉnh và làm hồ sơ. Không những vậy, có 24% GV cho biết họ còn bị ràng buộc nhiều bởi các thủ tục hành chính, việc kiểm tra và đánh giá giờ dạy còn cứng nhắc, thiếu linh hoạt (33%) và một bộ phận GV còn có tâm lí ngại đổi mới khi vận dụng các PPGD tích cực vào tổ chức hoạt động giáo dục.

2.1.2.4. Mục tiêu giáo dục

Khảo sát cách xác định mục tiêu bài học trong các GA, chúng tôi nhận thấy cách xác định mục tiêu của GV chưa thể hiện một cách rõ ràng, cụ thể, nhất là mục tiêu về phát triển ngôn ngữ, như: - GV dùng động từ để diễn tả các mục tiêu chưa thống nhất với nhau trong bài học. Các mục tiêu bài dạy có khi bắt đầu bằng danh từ, có khi bằng động từ và khó đo lường được mức độ đạt được mục tiêu của trẻ sau khi học xong bài học; Cụ thể, bài “*Ba cô gái*”, mục tiêu bài dạy được xác định như sau: - Trẻ *nhớ* tên và hiểu được nội dung câu chuyện “*Ba cô gái*”; - Trẻ *có thói quen* học tập, tích cực tham gia vào giờ học, biết phối hợp với bạn khi đóng kịch (GA-11, ngày 10/5/2022).

Hay trong tiết “*Tập tô chữ cái h, k*”: - *Rèn luyện* sự khéo léo của đôi tay khi tập tô các chữ cái h, k; - Trẻ *thích* học chữ cái, hứng thú tham gia tiết học (GA-21, ngày 19/5/2022).

Rõ ràng, mục tiêu các bài học trên có khi được GV bắt đầu bằng từ/cụm từ “*trẻ*”, “*rèn*”, “*giáo dục*”, “*rèn luyện*”, “*thông qua bài thơ*”... Hầu hết các mục tiêu trên chỉ tập trung vào việc giúp trẻ tìm hiểu nội dung bài học, các hoạt động giáo dục hơn là giúp trẻ hình thành các KNNN cụ thể. Không chỉ thế, một số GA có đề cập mục tiêu phát triển ngôn ngữ nhưng chưa cụ thể vì không có sự phân biệt rõ ràng giữa các kĩ năng nghe, nói, đọc và viết như “*Rèn kĩ năng nghe, hiểu, kĩ năng đọc thơ diễn cảm có vần điệu. Làm quen với cách đọc thơ nói tiếp*” (Em yêu nhà em, GA-57, ngày 25/5/2022); “*Trẻ chú ý lắng nghe, rèn cho trẻ nói tròn câu, mạch lạc, phối hợp tốt trong nhóm khi tham gia trò chơi*” (Vi sao thợ cụt đuôi, GA-55, ngày 23/5/2022) hay “*Thông qua bài thơ giúp trẻ phát triển ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc*” (Mèo đi câu cá, GA-07, ngày 21/4/2022).

Mặt khác, mục tiêu và hoạt động giáo dục chưa gắn kết với nhau, GV đưa rất nhiều mục tiêu nhưng hoạt động giáo dục lại chưa thể hiện rõ và bao quát hết các mục tiêu của bài. Cách diễn đạt và hình thức trình bày mục tiêu ở nhiều GA chưa thống nhất với nhau, có khi diễn đạt thành đoạn, có khi lại gạch đầu dòng..., như: “*Rèn cho trẻ phát âm to, rõ tên câu chuyện, tên từng nhân vật trong câu chuyện. Trẻ chú ý lắng nghe, quan sát và trả lời một số câu hỏi đơn giản theo trình tự diễn biến của câu chuyện, thể hiện một vài lời thoại đơn giản của các nhân vật trong câu chuyện qua sự hướng dẫn của GV*” (Ba cô gái, GA-11, ngày 10/5/2022).

Bên cạnh đó, cũng có GV xác định mục tiêu rất đơn giản, ngắn gọn, súc tích nhưng lại không thể hiện rõ KNNN nào cần phát triển cho trẻ, cụ thể như: “*Trẻ biết tên bài thơ, tên tác giả và hiểu nội dung thơ/Trẻ thuộc bài thơ/Giáo dục cháu không ham chơi, lười biếng, siêng năng học.*” (Mèo đi câu cá, GA-05, ngày 15/4/2022), hay “*Trẻ hiểu nội dung bài thơ, tên tác giả, ý nghĩa bài thơ/Rèn kĩ năng đọc thơ to, rõ, diễn cảm/Cháu biết ý nghĩa ngày 8/3.*” (Bố hoa tặng cô, GA-12, ngày 10/5/2022).

2.1.2.5. Tiến trình tổ chức giáo dục phát triển ngôn ngữ

Ở mầm non, GDPTNN cho trẻ được thực hiện thông qua các dạng bài như *Làm quen chữ cái; Tập tô; Kể chuyện* và *Đọc thơ*. Ở mỗi dạng bài khác nhau, GV sẽ rèn luyện cho trẻ các KNNN thích hợp như nghe, nói, đọc và viết nhằm đảm bảo yêu cầu chương trình đề ra, đồng thời giúp trẻ có một nền tảng ngôn ngữ vững chắc khi chuyển sang giai đoạn tiểu học. Thông qua quá trình dự giờ tại các trường mầm non, nhóm nghiên cứu nhận thấy tiến trình tổ chức GDPTNN cho trẻ 5-6 tuổi được tiến hành chủ yếu thông qua 4 bước cơ bản như sau: *Bước 1: Khởi động* (hát, trò chơi, giới thiệu bài mới); *Bước 2: Làm quen* (nhận diện từ mới, làm quen câu chuyện, bài thơ); *Bước 3: Đàm thoại* (câu tạo từ, từ khó, đọc hiểu câu chuyện, bài thơ); *Bước 4: Thực hành* (trò chơi, kể, đọc diễn cảm và cùng cổ...).

Ở các tiết dạy, GV thường dẫn dắt, giới thiệu bài, có khi sử dụng trò chơi, bài hát, câu đố hay hình ảnh trực quan (bước 1). Sau đó, GV tổ chức cho trẻ làm quen (bước 2), tùy từng dạng bài mà hoạt động này sẽ được triển khai tương ứng như cho trẻ nhận diện chữ cái mới trong từ, cụm từ (kiểu bài *Làm quen chữ cái*); kể mẫu câu chuyện bằng video, sách khổ lớn, mô hình... để trẻ nắm bắt diễn biến câu chuyện, nhân vật truyện (kiểu bài *Kể chuyện*) và đọc mẫu thơ diễn cảm, kết hợp với điệu bộ để trẻ nghe (kiểu bài *Đọc thơ*). Kế tiếp, GV sẽ đặt các câu hỏi để đàm thoại, tương tác với trẻ thông qua việc tìm hiểu về cấu tạo từ, nội dung câu chuyện, bài thơ (bước 3). Cuối cùng, GV tổ chức cho trẻ thực hành (bước 4) thông qua chơi các trò chơi vận động để nhận diện và làm quen với các con chữ, đọc diễn cảm hay đóng vai kể lại câu chuyện. Trong tiến trình này, hoạt động đàm thoại giữa GV và trẻ luôn được chú trọng và dành nhiều thời gian hơn cả so với các bước còn lại trong tiến trình giáo dục (10-15 phút, chiếm khoảng 50% thời lượng tiết dạy ở mầm non là 25-30 phút/tiết). Đây chính là hoạt động trọng tâm nhằm giúp trẻ có cơ hội tương tác với GV và phát triển các kỹ năng cần thiết khác nhất là kỹ năng về ngôn ngữ (nghe, nói, đọc và viết).

2.1.2.6. Hệ thống câu hỏi

Qua khảo sát và thống kê hệ thống câu hỏi trong GA và các tiết dự giờ theo thang Bloom, chúng tôi nhận thấy, hầu hết các câu hỏi đều ở mức độ “Biết” (chiếm 80.3%), trong đó câu hỏi bắt đầu bằng những từ để hỏi như: “Ai? Cái gì? Thế nào? Ở đâu? Khi nào?” chiếm số lượng lớn. Ví dụ như: Câu chuyện nói về nhân vật nào? Lúc bé, Gióng là người như thế nào? Vua Hùng sai sứ giả đi đâu? Khi sứ giả vào nhà, Gióng đã nói với sứ giả thế nào?... (*Biên bản Kể chuyện Thánh Gióng, GA-56, ngày 24/5/2022*); hay: Trong câu chuyện có những nhân vật nào? Thỏ mẹ hướng dẫn cho ba anh em thỏ làm gì? Thỏ út đã làm gì khi thỏ mẹ hướng dẫn trồng rau? Vườn rau của thỏ anh và thỏ út như thế nào? (*Biên bản Kể chuyện Vườn rau của thỏ út, GA-09, ngày 26/4/2022*).

Ngoài ra, câu hỏi kiểu “có/không” cũng được GV sử dụng khá phổ biến trong các tiết dạy như: “Bạn nào đã đi lăng Bác rồi? Hoa sen có thơm không?” (*Biên bản Hoa quanh lăng Bác, GA-16, ngày 13/5/2022*) hay “Con có thích nhân vật thỏ út không?” (*Biên bản Cây rau của thỏ út, GA-09, ngày 26/4/2022*).

Nếu như câu hỏi ở mức độ *Biết* chiếm hơn 80% thì câu hỏi ở mức độ *Hiểu* chỉ chiếm 19.7% và tập trung trong các tiết kể chuyện và làm quen chữ cái. Tiêu biểu là kiểu câu hỏi yêu cầu trẻ tìm sự giống nhau và khác nhau về cấu tạo của các con chữ như: “Các con hãy so sánh chữ cái u và ư giống và khác nhau ở điểm nào?” (tiết *Làm quen chữ cái u, ư*, ngày 31/3/2022); “Tìm điểm giống và khác nhau giữa chữ cái h và k?” (tiết *Làm quen chữ cái h, k*, GA ngày 24/5/2022). Ngoài ra, các câu hỏi yêu cầu trẻ giải thích, đưa ra quan điểm vì sao lựa chọn hoặc giải thích cho cách dự đoán và đặt tên khác cho câu chuyện cũng được GV sử dụng trong một số tiết dạy như: Trong ba cô con gái, con yêu quý ai nhất? Vì sao? Còn các con khi nghe mẹ ốm, các con sẽ làm như thế nào? (*Biên bản Kể chuyện Ba cô gái, GA-12, ngày 10/5/2022*); Qua câu chuyện này, con thích nhân vật nào nhất? Vì sao? Nếu gặp người xấu, con sẽ làm gì? (*Biên bản Kể chuyện Chú Dê đen, GA-06, ngày 15/4/2022*).

Từ kết quả khảo sát về thực trạng GDPTNN cho trẻ 5-6 tuổi trên, chúng tôi nhận thấy:

Thứ nhất, hầu hết GV đều đánh giá vai trò quan trọng của ngôn ngữ và sự cần thiết của việc dạy các KNNN cho trẻ 5-6 tuổi. Tuy nhiên, trong thực tiễn, GV gặp nhiều khó khăn khi dạy ngôn ngữ cho trẻ như chương trình, phương pháp và kỹ thuật giáo dục, sự đồng thuận từ phía phụ huynh...

Thứ hai, trong thiết kế GA, cách xác định mục tiêu bài học chưa rõ ràng và nhất quán. Việc diễn giải mục tiêu vẫn còn nhập nhằng giữa nhiệm vụ của GV (ví dụ như *làm cho trẻ hiểu, hướng dẫn trẻ...*) và mục tiêu trẻ cần đạt được (ví dụ như *Nói được, kể được, nêu được...*). Ngoài ra, mục tiêu và hoạt động thiết kế chưa thật sự tương thích với nhau, GV chưa chỉ ra được một cách tường minh các hoạt động đó nhằm đạt được mục tiêu nào của bài.

Thứ ba, việc sử dụng câu hỏi trong GDPTNN cho trẻ hầu hết tập trung ở mức độ nhận diện và phát hiện thông tin. Khi tổ chức cho trẻ trả lời câu hỏi, GV có xu hướng tập trung ở một số bé hoạt bát, tích cực trong lớp, chưa quan tâm nhiều đến việc chỉnh sửa cách trả lời cho trẻ khi diễn đạt một vấn đề nào đó chưa đủ ý, chưa thành câu, thiếu phần giải thích hay kính ngữ khi trả lời.

Thực trạng này có thể xuất phát từ các nguyên nhân như: (1) Bản thân GV chưa được tham gia nhiều các đợt tập huấn chuyên sâu về thiết kế GA; việc học tập trải nghiệm để trao đổi kinh nghiệm giữa các trường, cụm trường chưa được quan tâm; (2) Việc cử GV tham gia các đợt tập huấn hầu như vẫn chỉ tập trung vào đối tượng là Ban giám hiệu, tổ trưởng chứ chưa có nhiều đợt tập huấn chuyên môn đại trà dành cho tất cả GV; (3) Nhà trường chưa chủ động trong xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng thông qua các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn cho GV trong trường mà còn tâm lý chờ đợi các đợt tập huấn của cấp trên.

2.2. Một số giải pháp cải thiện thực trạng giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi

2.2.1. Xây dựng các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn cho giáo viên về giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo mô hình nghiên cứu bài học

Để thực hiện mô hình sinh hoạt chuyên môn này, GV cần xác định rõ vai trò của các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong từng đơn vị bài học để phân chia nội dung, thiết kế chuyên đề phù hợp nhằm đảm bảo nội dung kiến thức được truyền đạt đúng và vừa sức với trẻ. Vì thế, ngay từ khâu soạn GA, nhóm GV cần nghiên cứu trước bài dạy, từ việc xác định rõ mục tiêu, kiến thức, kỹ năng mà trẻ cần đạt được sau mỗi tiết dạy cho đến việc lựa chọn ngữ liệu, hình thức, phương pháp và đồ dùng giáo dục sao cho phù hợp với từng bài nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất trong tiến trình lên lớp. Sau mỗi tiết, nhóm GV cần trao đổi, thống nhất để rút kinh nghiệm cho những tiết dạy sau tốt hơn. Bên cạnh đó, nhà trường cần xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho GV theo tháng, quý hay học kỳ nhất là GV chủ nhiệm các lớp có trẻ trong độ tuổi 5-6 tuổi về các chủ đề liên quan đến phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Tổ chức cho GV các khối lớp thi hoặc thao giảng mẫu để GV trong tổ học hỏi, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện tại lớp mình và giúp GV nắm rõ hơn phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ một cách linh hoạt, sáng tạo. Hơn hết, GV cần mạnh dạn trao đổi ý kiến sau khi dự giờ, khi làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ chuyên đề, giúp GV ngày càng hoàn thiện hơn, nhìn nhận ra hạn chế của bản thân, của đồng nghiệp, điều quan trọng là GV nhận ra mình học được gì từ tiết dạy của đồng nghiệp.

2.2.2. Tăng cường gắn kết mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình trong quá trình giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ

Trao đổi cụ thể tình hình trẻ tại trường, theo dõi sự phát triển ngôn ngữ của trẻ tại nhà thông qua phụ huynh; GV có thể gửi nội dung giáo dục cho phụ huynh tham khảo và định hướng cho phụ huynh một số trò chơi, hoạt động có thể làm tại nhà để chơi với trẻ, kết hợp với việc dạy cho trẻ nói, đọc thậm chí là viết (trẻ làm quen, nhận diện chữ cái; phát âm, nối từ, hỏi đáp với trẻ, trao đổi với trẻ về sở thích...). Khuyến khích phụ huynh xây dựng môi trường giao tiếp cho trẻ qua đọc sách, kể chuyện cho trẻ nghe hoặc cho trẻ xem phim, video clip hay các chương trình giáo dục thiếu nhi... điều này không chỉ gắn kết tình cảm giữa trẻ và ba mẹ mà còn giúp trẻ phát huy tốt vốn ngôn ngữ của mình. Việc đọc sách, kể chuyện, xem clip sẽ giúp trẻ biết thêm nhiều từ vựng, học cách tư duy theo mạch truyện và cách sử dụng câu từ sao cho phù hợp ngữ cảnh. Ngoài ra, phụ huynh còn có thể phát triển KNNN cho trẻ ở mức độ cao hơn bằng cách dạy trẻ tập nghe, nói (nói theo chủ đề, nói điều mình thích, hỏi đáp cùng trẻ với hệ thống câu hỏi có mức độ khó tăng dần); để trẻ tự ghi nhớ và kể lại nội dung câu chuyện theo ngôn từ và cách diễn đạt của mình.

2.2.3. Xây dựng môi trường học tập, giao tiếp đa dạng, linh hoạt mọi lúc mọi nơi nhằm phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho trẻ 5-6 tuổi

Trẻ 5-6 tuổi được xem là “độ tuổi vàng” trong việc phát triển ngôn ngữ. Muốn trẻ phát triển tốt thì trước hết phải đặt trẻ trong một môi trường học tập đa dạng, linh hoạt và sáng tạo. Khi xây dựng môi trường học tập, GV cần lưu ý đến điều này để góp phần thu hút sự chú ý và tập trung của trẻ trong tiến trình hoàn thiện ngôn ngữ bản thân. Cụ thể:

Rèn luyện kỹ năng nghe: Trẻ thường hay mất tập trung, thiếu sự chú ý trong quá trình học, vì vậy trong các hoạt động giáo dục, GV cần chú ý đến thái độ, phản ứng, hành động và ánh mắt của trẻ để kịp thời có các phương pháp điều chỉnh hợp lý; tạo nhiều cơ hội để trẻ rèn luyện kỹ năng nghe, nói và diễn đạt thông qua việc trình bày những ý nghĩ, điều mong muốn của bản thân. Ví dụ: trong tiết dạy Làm quen chữ cái hoặc Kể chuyện, GV nên cho trẻ lặp lại câu trả lời, yêu cầu trẻ giải thích và nhắc lại lời GV vừa nói để đảm bảo rằng trong suốt quá trình học trẻ luôn tập trung và theo dõi. Mặt khác, để rèn kỹ năng nghe phản xạ cho trẻ, GV cũng có thể thiết kế các trò chơi dưới dạng là âm thanh (phương tiện giao thông, các loài động vật...), tiếng động của các sự vật hiện tượng ngoài thiên nhiên hay tiếng nói của con người trong các hoạt động giao tiếp để trẻ nhận diện...

- *Rèn luyện kỹ năng nói:* Để phát triển kỹ năng nói, trước tiên GV phải tạo được bầu không khí thoải mái cho trẻ khi đó trẻ có cảm giác an toàn, gần gũi thì trẻ sẽ mở lòng và thích giao tiếp nhiều hơn. GV cần tổ chức các hoạt động để trẻ được giao tiếp, nhất là hoạt động nhóm vì khi đó trẻ sẽ dễ dàng giao tiếp với bạn, trẻ sẽ nói và thực hành nói tốt hơn trong môi trường làm việc nhóm. Ví dụ, bài Kể chuyện *Chú Dê đen*, GV có thể chia trẻ thành các nhóm nhỏ, cho các nhóm đóng vai để kể lại câu chuyện. Trong quá trình giáo dục, GV cũng cần lưu ý đến việc tạo dựng môi trường giao tiếp, xóa bỏ khoảng cách giữa cá nhân từng trẻ với GV, hãy đóng vai một “người bạn nhỏ” để cùng trẻ trò chuyện, chia sẻ và trao đổi những thông tin, suy nghĩ cùng nhau như cùng nhau đọc thơ, ca dao, đồng dao, hát, chơi trò chơi, cùng “Kể chuyện sáng tạo”, cùng “đọc thơ nối tiếp”... GV cho trẻ tự trình bày suy nghĩ và nói những điều trẻ mong muốn, đặt câu hỏi để trẻ trả lời bởi điều này không chỉ giúp trẻ mở rộng vốn ngôn ngữ, kích thích tư duy mà còn tăng tính tìm tòi, ham hiểu biết của trẻ.

- *Rèn kỹ năng đọc*: Ở giai đoạn này, trẻ chưa thể đọc chữ và ghép vần tạo tiếng được nên việc đọc hầu như chỉ dừng ở việc “đọc” tranh ảnh và nói về những điều mình quan sát được qua tranh ảnh. Vì vậy, GV có thể cho trẻ làm quen với Bigbook (sách khổ lớn) kết hợp với lời kể, lời giới thiệu của cô. Trước hết, GV giúp trẻ nhận diện được cấu tạo của Bigbook (bao gồm trang bìa với các thành phần như: kênh hình và kênh chữ, cụ thể là tên tác phẩm, tên tác giả (nếu có), hình ảnh minh họa, tên nhà xuất bản), trang cuối...; số lượng trang trong Bigbook, cách cầm sách đúng chiều, cách đọc Bigbook sao cho đúng (đọc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; hết một trang sẽ lật qua trang tiếp theo). Ví dụ, khi dạy bài *Chú Dê đen*, GV sử dụng Bigbook để hướng dẫn trẻ tìm hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện: tổ chức cho trẻ dự đoán nội dung câu chuyện thông qua nhan đề hoặc hình ảnh minh họa. Bằng cách đặt các câu hỏi: “Theo con, câu chuyện sẽ nói về ai? Nội dung câu chuyện sẽ như thế nào? Nhân vật chính trong câu chuyện là ai? Điều gì sẽ xảy ra với bạn Dê đen?”, GV khuyến khích trẻ tự do thể hiện suy nghĩ để trả lời. Không nên quá chú tâm vào nội dung câu trả lời của trẻ mà quan tâm đến cách trẻ diễn đạt và suy nghĩ.

Tiếp đến, GV sẽ kể chuyện kết hợp với tranh minh họa từ đầu đến hết tác phẩm (1 đến 2 lần) để trẻ hình dung được diễn biến câu chuyện. Lưu ý, trong quá trình kể GV kết hợp vừa kể vừa chỉ vào tranh và chữ trên Bigbook để trẻ quan sát và nhận diện các chữ, âm vần, từ khó mà GV sẽ dạy trong buổi học hôm đó. Bước tiếp theo, GV sẽ cho trẻ làm quen với những từ khó trong bài như “mũi mê”, “tha thần”, “kim cương”, “lớn vồn”... GV vừa giải thích và chỉ ngữ cảnh xuất hiện của các từ đó trong câu chuyện. GV có thể cho trẻ tự nêu cách hiểu rồi sau đó giải thích. Hoạt động này, GV có thể xây dựng thành các trò chơi để các bé tham gia như đưa ra tình huống với từ còn thiếu, yêu cầu trẻ lựa chọn từ thích hợp để ghép vào hoặc cho trẻ tìm và nói các chữ cái lại với nhau tạo thành từ vừa học... Kết hợp với quá trình tìm hiểu từ khó là các bé sẽ tìm hiểu về nội dung, ý nghĩa, bài học mà câu chuyện mang đến thông qua hệ thống câu hỏi GV đã chuẩn bị trước đó để tương tác với trẻ.

- *Rèn luyện kỹ năng viết*: Yêu cầu về kỹ năng viết với trẻ 5-6 tuổi chủ yếu tập trung ở việc trẻ nhận diện và làm quen với mặt chữ, tập tô nét và các chữ cái, cách cầm bút, ngồi viết sao cho phù hợp với trẻ. Vì vậy, trước khi cho trẻ tập viết, vẽ, tô màu thì GV cần dạy trẻ các thao tác trên và cho trẻ thực hành, sửa cách cầm bút, đặt vở tập viết tập tô đúng cách, tư thế ngồi, khoảng cách mắt đến vở... cho trẻ.

3. Kết luận

Có thể thấy rằng, vấn đề GDPTNN cho trẻ hiện nay, nhất là giai đoạn 5-6 tuổi là rất quan trọng, bởi đây không chỉ là nội dung trọng tâm trong chương trình giáo dục bậc mầm non mà còn là vấn đề thiết thực mang tính gắn kết và chuyển giao giữa các bậc học (mầm non lên tiểu học). Với định hướng giáo dục theo hướng phát triển năng lực cho người học từ cấp tiểu học đến THPT hiện nay, trẻ được chú trọng phát triển cả về phẩm chất lẫn năng lực, trong đó năng lực ngôn ngữ cần được chú ý hình thành cho trẻ ngay từ bậc mầm non, bởi đây là năng lực cơ bản góp phần hình thành những năng lực khác và là một trong những nội dung trọng tâm trong chương trình đào tạo ở mầm non.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2021). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 ban hành Chương trình giáo dục mầm non*.
- Lã Thị Bắc Lý (2017). Phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo thông qua hoạt động trải nghiệm. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 12*, 32-35.
- Loniza, A. F., Saad, A., & Mustafa, M. C. (2018). The effectiveness of digital storytelling on language listening comprehension of kindergarten pupils. *The International Journal of Multimedia & Its Applications (IJMA)*, 10(6), 131-141.
- Mai Thị Nguyệt Nga, Nguyễn Thị Thanh Bình (2014). Thực trạng hình thành kỹ năng tiền đọc viết cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại Bến Cát, Bình Dương. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Văn Hiến*, 5, 91-99.
- Nguyễn Cẩm Giang (2017). Sử dụng truyện tranh trong việc phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ 5-6 tuổi. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 2 tháng 8*, 115-117.
- Nguyễn Thị Hải Thanh (2017). Phát triển khả năng tiền đọc, viết cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động trải nghiệm với sách. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 12*, 46-48; 132.
- Trần Nguyễn Nguyên Hân (2016). Xu hướng phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non trên thế giới. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 10(88), 141-151.
- Wahyuni, S., Suharni, S., & Retanida, R. (2020). Storytelling method using big book to improve children's listening skill. *Journal of Early Childhood Care and Education*, 3(1), 49-61.
- Yaacob, A., & Pinter, A. (2008). Exploring the effectiveness of using big books in teaching primary English in Malaysian classrooms. *Malaysian Journal of Learning and Instruction*, 5, 1-20.